

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 88/2023/HS-ST

Ngày 30-11-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Thuỷ

Bà Nguyễn Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 74/2023/TLST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2023/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2023, đối với:

Bị cáo:

Vũ Thị T sinh ngày 19/11/1985 tại: tỉnh Thái Bình; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã N, huyện H1, tỉnh Thái Bình; Chỗ ở trước khi bị bắt: Vương quốc Campuchia; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Ngọc Thương (đã chết) và bà Nguyễn Thị Hưng; chồng là Ngô Diệp Thịnh; có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 31/5/2023 hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình, trích xuất có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

1. Anh Bùi Văn T1 sinh năm 1991; nơi cư trú: thôn A, xã N, huyện H1, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

2. Anh Phạm Văn D sinh năm 1986; nơi cư trú: thôn A, xã N, huyện H1, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

3. Anh Nguyễn Xuân T2 sinh năm 1992; nơi cư trú: thôn A, xã N, huyện H1, tỉnh Thái Bình. (có mặt)

4. Anh Tô Đình Th sinh năm 1987; nơi cư trú: thôn N1, xã N, huyện H1, tỉnh Thái Bình.(vắng mặt)

5. Chị Trần Thị H, sinh năm 1987; nơi cư trú: thôn Đ, xã G, huyện H1, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2012 đến năm 2023, Vũ Thị T nhiều lần xuất cảnh sang Ma Cao, Trung Quốc và Campuchia lao động. Trong thời gian lao động tại Campuchia, T quen một người đàn ông khoảng 30 tuổi, quốc tịch Trung Quốc, thường gọi là “Mập”, Mập làm cùng công ty với bạn của T là chị Đỗ Thị N3, quê ở thành phố Hồ Chí Minh) và một người đàn ông tên thường gọi là “D”, quê tại tỉnh Bình Phước thường đưa người vượt biên trái phép sang Campuchia.(T không biết chính xác họ tên của Mập và D).

Năm 2020, Mập có trao đổi với T là Công ty của Mập đang cần người Việt Nam sang làm việc, công việc là sử dụng máy tính, điện thoại tư vấn, chăm sóc khách hàng chơi game, lương 800 USD/tháng, nếu làm tốt sẽ được thưởng thêm H hồng, công ty nuôi ăn, ở, chi phí tự lo; hình thức sang Campuchia lao động theo đường vượt biên, công ty cử người đón, mỗi trường hợp đưa sang công ty làm việc T sẽ được trả công 3000 nhân dân tệ tương đương 10.000.000 đồng, T đồng ý. Sau đó T sử dụng tài khoản Facebook “Nàng Bạch T” đăng tải các bài viết thể hiện đang sống ở Campuchia, ai có nhu cầu sang Campuchia lao động thu nhập cao thì T đưa đi.

Khi có người liên hệ nhờ đưa sang Campuchia lao động, T sử dụng ứng dụng Messenger tư vấn: “T quen một người bạn đang làm việc bên Campuchia, công ty đang cần người Việt Nam sang làm việc, công việc chủ yếu là sử dụng máy tính, điện thoại tư vấn cho khách hàng chơi game trên mạng, lương hàng tháng từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng nếu làm tốt sẽ được thêm tiền H hồng, chủ nuôi ăn, ở; chi phí đi lại phải tự chi trả, nếu không có tiền đi thì T cho vay, khi sang Campuchia làm việc, có lương thì trả lại cho T sau; hình thức đi theo đường tiểu ngạch, không phải chuẩn bị giấy tờ gì, lộ trình đi đến thành phố Cần Thơ, T sẽ bố trí người đón, đưa vượt biên đến công ty tại Campuchia an toàn”. Sau khi có người đồng ý đi thì T liên hệ qua mạng xã hội Wechat với Mập thông báo để Mập sắp xếp công việc, cử người đón tại Campuchia và liên hệ với D thỏa thuận giá cả, bố trí người đón, đưa người vượt biên trái phép sang Campuchia đến địa điểm mà Mập bố trí người đón.

Từ tháng 8/2020 đến tháng 02/2021, T đã tư vấn, môi giới, tổ chức 03 lần cho 05 người vượt biên trái phép sang Campuchia lao động, cụ thể:

Lần thứ nhất: Tháng 8/2020, anh Bùi Văn T1 là em họ của T liên hệ nhờ T đưa sang Campuchia lao động; sau khi được T tư vấn, anh T1 đồng ý đi. Anh T1 mua vé máy bay đi từ sân bay Cát Bi, thành phố Hải Phòng vào thành phố Cần Thơ. Khi xuống sân bay, anh T1 thông báo cho T biết; T liên hệ với D đón anh T1. Sau đó, anh T1 được nhiều người không quen biết đón bằng ô tô, xe máy đưa vượt biên trái phép qua biên giới thuộc địa phận tỉnh An Giang, Việt Nam sang Campuchia. Khi gặp anh T1 tại Campuchia, T trả cho anh T1 10.000.000 đồng tiền chi phí đưa đi, T trả cho D 500USD chi phí đưa T1 vượt biên và đưa lại anh T1 100USD để chi tiêu. Anh T1 được người đàn ông nói tiếng Trung Quốc đưa đến công ty làm việc, công việc là sử dụng máy tính, điện thoại tư vấn chăm sóc khách hàng chơi game. Làm được 01 tháng, do công việc không phù hợp nên anh T1 nhờ T sắp xếp công việc khác, T sắp xếp cho anh T1 đi làm nhân viên giao hàng ở chợ tại thành phố Shihanouk, Campuchia; đến tháng 01/2022, anh T1 về Việt Nam. T được Mập trả 10.000.000 đồng tiền công nhưng T đã đưa lại anh T1 khi anh T1 chuẩn bị về Việt Nam.

Lần thứ hai: Tháng 12/2020, anh Phạm Văn D cũng là em họ của T liên hệ nhờ T đưa sang Campuchia lao động; sau khi được T tư vấn, anh D đồng ý đi. Anh D rủ bạn là anh Tô Đình Th cùng đi, anh Th đồng ý nhưng anh D và anh Th không có tiền nên T ứng tiền mua vé máy bay cho cả hai người. Ngày 28/12/2020, anh D và anh Th đi từ sân bay Cát Bi, thành phố Hải Phòng vào thành phố Cần Thơ; xuống sân bay, anh D thông báo cho T, T liên hệ với D đón anh D và anh Th. Sau đó, anh D và anh Th được những người không quen biết đón bằng ô tô, xe máy, đưa vượt biên qua biên giới thuộc địa phận tỉnh An Giang, Việt Nam sang Campuchia. Ngày 29/12/2020, khi gặp anh D và anh Th, T thông báo chi phí vượt biên hết 15.000.000 đồng/người nhưng chưa ai đưa tiền cho T, hẹn đi làm có trả lương sau, T đã cho anh D và anh Th, mỗi người 50USD để chi tiêu. T được Mập trả 20.000.000 đồng tiền công, T trả cho D 15.000.000 đồng chi phí đưa D và Th vượt biên. Ngày 01/01/2021, anh D, anh Th được người của công ty đón đến làm việc; công việc là sử dụng máy tính lập tài khoản ảo trên mạng để lôi kéo người chơi tham gia đánh bạc nhưng do anh D, anh Th không đáp ứng được yêu cầu công việc nên hai người đã gọi điện nhờ T giúp đỡ về Việt Nam. Ngày 12/02/2021, anh Th về Việt Nam; ngày 23/3/2021, anh D về Việt Nam.

Lần thứ ba: Tháng 02/2021, anh Nguyễn Xuân T2 là em họ T và chị Trần Thị H là bạn của T liên hệ nhờ T đưa sang Campuchia lao động; sau khi được T tư vấn, anh T2, chị H đồng ý đi nhưng anh T2 và chị H không có tiền đi nên T ứng

tiền mua vé máy bay. Ngày 21/02/2021, anh T2 và chị H đi từ sân bay Cát Bi, thành phố Hải Phòng vào thành phố Cần Thơ; khi xuống sân bay, anh T2 thông báo cho T biết, T gửi vị trí cho D đến đón anh T2 và chị H. Sau đó, anh T2 và chị H được người đàn ông không quen biết đón để đưa vượt biên qua biên giới sang thành phố Sihanouk, Campuchia. Sau đó anh T2 và chị H được người của công ty đón đến làm việc. T được “Mập” trả 17.000.000 đồng tiền công, T trả cho D 14.000.000 đồng tiền chi phí đưa anh T2 và chị H vượt biên. Anh T2, chị H chưa trả cho T tiền chi phí đưa đi, hẹn đi làm có lương trả sau. Chị H làm việc được 03 ngày do không đáp ứng yêu cầu công việc nên xin nghỉ việc bị công ty yêu cầu nộp phạt 40.000.000 đồng tiền. Chị H liên hệ gia đình chuyển tiền sang, ngày 21/3/2021, chị H chuyển đến số tài khoản 5009947 Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu mang tên Đỗ Thị N3, sinh năm 1981, trú tại số nhà 172/15/5, đường Trần Phú, phường 9, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh 34.600.000 đồng, số tiền còn lại T bù thêm nộp phạt cho chị H. Ngày 25/3/2021, chị H về nước bị Đồn Biên phòng cửa khẩu Quốc tế Mộc Bài, tỉnh N phát hiện, xử phạt vi phạm hành chính sau đó đưa đi cách ly y tế đến ngày 08/4/2021 về địa phương, còn anh T2 thôi không làm việc ở công ty mà nhờ T sắp xếp công việc khác làm, đến tháng 10/2021 anh T2 về Việt Nam.

Cáo trạng số 74/CT-VKSTB ngày 16/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đã truy tố bị cáo Vũ Thị T về tội “Tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 349 Bộ luật Hình sự.

- Đối với chị Đỗ Thị N3, sinh năm 1981, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu 2, xã Hà L, huyện Hạ, tỉnh P; chỗ ở số nhà 172/15/5, đường Tr, phường 9, quận 5, thành phố C, quá trình điều tra xác định chị N3 làm phiên dịch tại công ty game do người đàn ông Trung Quốc tên “Mập” làm chủ. Chị N3 biết 05 người Việt Nam do T đưa sang công ty làm việc, khi những người này đến công ty “Mập” ra đón, chị N3 đi cùng phiên dịch; không thỏa thuận với bị cáo T để đưa người Việt Nam vượt biên giới trái phép. Số tiền 34.600.000 đồng chị H chuyển vào tài khoản của chị N3 là tiền nộp phạt cho công ty khi nghỉ việc, chị N3 đã đổi thành tiền đô la Mỹ để nộp về công ty nên Cơ quan An ninh điều tra không xử lý.

- Đối với anh Phạm Văn D và anh Tô Đình Th khai ở sân bay Cát Bi, thành phố Hải Phòng có 03 người liên hệ với anh D nói đi cùng sang Campuchia lao động, họ được bị cáo T đưa đi và khi đến tỉnh An Giang có thêm 01 người nữa cùng đi, anh D, anh Th không biết tên, tuổi, địa chỉ của những người này, còn bị cáo T khai đây là người của “Mập” chỉ đi cùng với anh D, anh Th sang Campuchia, bị cáo T không biết những người này nên Cơ quan An ninh điều tra không có căn cứ để điều tra, xử lý.

- Đối với người đàn ông Trung Quốc tên “Mập”, người đàn ông tên “D” và một số người đàn ông Việt Nam và người Campuchia đưa anh Bùi Văn T1, anh Phạm Văn D, anh Tô Đình Th, anh Nguyễn Văn T2 và chị Trần Thị H vượt biên giới trái phép từ Việt Nam sang Campuchia, quá trình điều tra bị cáo T, anh T1, anh D, anh Th, anh T2, chị H không biết tên tuổi địa chỉ cụ thể của những người này nên Cơ quan An ninh điều tra không có căn cứ để điều tra, xử lý.

- Đối với anh Bùi Văn T1, anh Phạm Văn D, anh Tô Đình Th, anh Nguyễn Văn T2 và chị Trần Thị H vượt biên giới trái phép đã vi phạm quy định về xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú và đi lại theo điểm a, khoản 3, Điều 17 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính Phủ. Chị Trần Thị H đã bị xử phạt vi phạm hành chính, anh T1, anh D, anh Th và anh T2 không bị phát hiện, xử phạt đến nay đã hết thời hiệu xử lý hành chính nên Cơ quan An ninh điều tra không đề nghị xử lý.

Tại phiên tòa;

- Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình giữ nguyên truy tố đối với bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử:

+Tuyên bố bị cáo Vũ Thị T phạm tội “Tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài”;

+Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 349; điểm r, s khoản 1 Điều 51, Điều 38; Điều 50, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Vũ Thị T từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 31/5/2023.

+ Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

+ Không thu hồi số tiền 47.000.000 đồng bị cáo được Mập trả công khi đưa 05 người sang Campuchia, vì cả 5 người đều không có tiền nên bị cáo đã ứng ra chi phí trước mua vé máy bay, trả công vượt biên, cho lại họ để họ chi tiêu trong thời gian họ ở Campuchia và phải bù tiền nộp phạt cho công ty khi họ tự ý nghỉ việc và chi phí đưa họ về Việt Nam hết 50.000.000 đồng.

+ Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

- Bị cáo không tranh luận và nói lời sau cùng: Do bị cáo muốn giúp đỡ anh em, họ hàng, bạn bè của mình tìm được công ăn việc làm khi họ bị thất nghiệp, không có thu nhập nên bị cáo đã dẫn dắt đưa họ sang lao động tại Campuchia; trong thời gian họ ở Campuchia, bị cáo cũng đã cố gắng hết sức để giúp đỡ họ và đã đưa họ trở về Việt Nam mà không được hưởng bất kỳ lợi ích gì; số tiền mà bị cáo chi phí, giúp đỡ họ còn nhiều hơn số tiền mà Mập đưa cho bị cáo. Nay, bị cáo nhận thức được việc bị cáo đưa người sang Campuchia lao động mà không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền là vi phạm pháp luật, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự nhưng mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, tạo điều kiện cho bị

cáo sớm được trở về với gia đình để chăm sóc hai con nhỏ vì hiện nay chồng bị cáo sinh sống ở Campuchia, bị cáo đã phải gửi hai con nhỏ nhờ chị gái nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: Quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, gồm:

- Công văn số 503/PA08 ngày 29/5/2023 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Thái Bình trả lời: Anh Tô Đình Th, chị Trần Thị H và anh Phạm Văn D không có thông tin cấp hộ chiếu và xuất nhập cảnh; anh Bùi Văn T1 có thông tin xuất cảnh 1 lần vào ngày 09/7/2022 không có thông tin xuất cảnh năm 2020, anh Nguyễn Xuân T2 không có thông tin xuất cảnh năm 2021 (bút lục từ số 24 đến số 27);

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 209/QĐ-XPHC ngày 25/3/2021 của Đoàn Biên phòng Cửa khẩu quốc tế Mộc Bài, tỉnh N đối với chị Trần Thị H về hành vi “Qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục nhập cảnh theo quy định pháp luật” (bút lục số 99);

- Lời khai của người làm chứng: anh Bùi Văn T1, anh Phạm Văn D, anh Nguyễn Xuân T2, anh Tô Đình Th và chị Trần Thị H (bút lục từ số 35 đến số 39; từ số 60 đến số 65; từ số 129 đến số 133; từ số 70 đến số 85; từ số 89 đến số 98).

[3] Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn để kết luận:

Từ tháng 8/2020 đến tháng 02/2021, bị cáo Vũ Thị T đã 03 lần tư vấn, tổ chức cho 05 người gồm: anh Bùi Văn T1, anh Phạm Văn D, anh Nguyễn Xuân T2, anh Tô Đình Th, chị Trần Thị H vượt biên trái phép từ Việt Nam sang Campuchia qua biên giới thuộc địa phận tỉnh An Giang, Việt Nam.

[4] Điều 349 Bộ luật Hình sự quy định về tội “Tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép” như sau:

“1. Người nào tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 120 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

a)...

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

c) Đối với từ 05 người đến 10 người;

...

3.

...

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

[5] Hành vi của bị cáo Vũ Thị T đã phạm tội “Tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài”, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 349 Bộ luật Hình sự.

[6] Xét tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo, thì thấy:

Bị cáo Vũ Thị T đã từng nhiều lần xuất cảnh sang Ma Cao -Trung Quốc và Campuchia lao động, bị cáo hiểu rõ công dân Việt Nam muốn sang nước ngoài lao động đều phải làm thủ tục xuất cảnh theo quy định nhưng chỉ vì muốn giúp đỡ chủ sử dụng lao động bên Campuchia thuê được lao động Việt Nam với giá rẻ, đồng thời cũng là giúp đỡ bạn bè, người thân của mình ở Việt Nam có công ăn việc làm tại Campuchia mà chi phí đi lại thấp, không phải làm thủ tục nên T đã tìm cách đưa họ trốn qua biên giới sang Campuchia lao động. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm vào các quy định nhằm đảm bảo trật tự quản lý hành chính của Nhà nước, xâm phạm đến hoạt động xuất nhập cảnh của cơ quan nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại vùng biên giới của Tổ quốc.

[7] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và vai trò của các bị cáo, thì thấy:

Bị cáo Vũ Thị T là người có nhân thân tốt, bị cáo không có tiền án, tiền sự; bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, tự thú về hành vi đưa anh Vũ Văn T1 trốn đi nước ngoài, gia đình có ông ngoại là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng ba nên bị cáo được hưởng các tình tiết

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự

[8] Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc, tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy, cần áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 349 Bộ luật Hình sự và không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[9] Đối với số tiền 47.000.000 đồng, bị cáo Vũ Thị T được Mập trả tiền công khi đưa anh Bùi Văn T1, anh Phạm Văn D, anh Nguyễn Xuân T2, anh Tô Đình Th, chị Trần Thị H vào làm ở công ty của Mập; có đủ căn cứ xác định bị cáo đã sử dụng để chi trả chi phí vượt biên cho 5 người này hết 32.000.000 đồng; đưa lại cho anh T1 10.000.000 đồng và 100USD, bù tiền nộp phạt cho chị H 5.400.000 đồng và mua vé máy bay cho 5 người bay từ sân bay Cat Bi - Hải Phòng vào Cần Thơ; xét thấy bị cáo không được hưởng lợi nên không tịch thu.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Vũ Thị T phạm tội “*Tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài*”

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 349; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38; Điều 50; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Vũ Thị T 03 (ba) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 31/5/2023.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo Vũ Thị T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Vũ Thị T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 30/11/2023.

Nơi nhận:

- Cơ quan Cảnh sát Điều tra, Cơ quan

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thi hành án hình sự, Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình;

- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình;
- Bị cáo;
- Lưu HS, HCTP.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Lan Anh